

Số: 364 /BC-UBND

Kiên Giang, ngày 28 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 134/2020/QH ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội

Kính gửi: Văn phòng Chính phủ

Thực hiện Công văn số 4676/VPCP-QHĐP ngày 26/7/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc báo cáo kết quả thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về hoạt động giám sát chuyên đề, chất vấn tại kỳ họp cuối năm 2022. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 134/2020/QH ngày 17/11/2020 của Quốc hội như sau:

I. LĨNH VỰC XÂY DỰNG PHÁP LUẬT

1. Tình hình triển khai thực hiện

Nhằm nâng cao chất lượng công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Công văn số 1015/UBND-NC ngày 13/7/2021 về việc thực hiện quy trình lập đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, hướng dẫn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quy trình lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trước khi tham mưu cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Từ ngày 17/11/2020 đến hết ngày 31/8/2022, xem xét, kiểm tra 22 đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và 50 đề nghị xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; góp ý 06 đề nghị xây dựng nghị quyết và 123 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, gồm 09 luật, 12 nghị định, 03 quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 27 thông tư, 33 nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và 39 quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thẩm định văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, từ ngày 17/11/2020 đến hết ngày 31/8/2022 Sở Tư pháp tỉnh đã thẩm định 02 đề nghị xây dựng nghị quyết và 88 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, gồm 45 nghị quyết và 43 quyết định, hoàn thành 100% hồ sơ yêu cầu thẩm định do các cơ quan khác gửi đến, việc thẩm định được thực

hiện đúng thời hạn theo quy định. Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành 44 nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 46 quyết định.

2. Công tác rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật

Rà soát văn bản quy phạm pháp luật, đã công bố 119 văn bản hết hiệu lực toàn bộ (61 nghị quyết, 58 quyết định) và 09 văn bản hết hiệu lực một phần (05 nghị quyết, 04 quyết định)¹. Báo cáo số 194/BC-UBND ngày 15/6/2021 về kết quả rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật gây vướng mắc, ách tắc, cản trở hoạt động đầu tư, kinh doanh và đời sống xã hội, gửi Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp.

3. Tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết

Tỉnh ban hành Quyết định số 969/QĐ-UBND về danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) được Quốc hội Khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 10; Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 ban hành danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết Luật Thi đua, khen thưởng được Quốc hội Khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 3. Tỉnh ban hành 11 quyết định để quy định chi tiết Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) và Luật Thi đua, khen thưởng, thời gian dự kiến ban hành sau khi có nghị định hướng dẫn của Chính phủ và văn bản hướng dẫn của Bộ quản lý chuyên ngành.

4. Hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức làm công tác pháp chế

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 16/4/2021 tổng kết 10 năm thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế.

II. QUY HOẠCH TỈNH KIÊN GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

1. Tình hình triển khai thực hiện

Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện xây dựng Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh, báo cáo UBND tỉnh xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tỉnh tại Quyết định số 620/QĐ-TTg ngày 08/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ngày 12/5/2022, Hội thảo góp ý dự thảo Quy hoạch tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được tổ chức tại Hội trường Tỉnh ủy Kiên Giang. Sau hội nghị, tiếp tục chủ trì, đôn đốc Liên danh tư vấn, khẩn

¹ Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 22/01/2021; Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 13/01/2022.

trương chính sửa, cập nhật, bổ sung theo các ý kiến đóng góp, nhất là ý kiến chỉ đạo của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, ý kiến phản biện của các chuyên gia; phối hợp với các sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố để tiếp tục hoàn thiện các nội dung tích hợp theo quy định.

- UBND tỉnh đã lấy ý kiến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về dự thảo Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2050.

- Liên danh tư vấn đã làm việc trực tiếp với các Sở, ngành để tiếp thu các ý kiến đóng góp và hoàn thiện các nội dung dự thảo Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ năm 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Thông báo số 99/TB-SKHĐT ngày 24/5/2022 thông báo lịch làm việc phục vụ Quy hoạch), dự thảo Quy hoạch tỉnh được lấy ý kiến các Bộ, ngành, các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, các vị nguyên lãnh đạo, các Tổ chức Chính trị, xã hội, Ông Nguyễn Văn Sánh – Viện trưởng Viện Nghiên cứu và phát triển đồng bằng Sông Cửu Long theo quy định tại khoản 1, Điều 32, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP. UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến song song để kịp tiến độ trình Hội đồng thẩm định, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi bộ tài liệu dự thảo đến các đơn vị xin ý kiến đóng góp, bổ sung để tiếp tục hoàn thiện. Đến nay có 11/22 Bộ, ngành, 12/12 tỉnh có ý kiến góp ý.

Theo Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 09/5/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang kế hoạch thực hiện Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Kiên Giang, UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư trình hồ sơ Quy hoạch tỉnh trong tháng 9/2022. Ngày 14/6/2022, UBND tỉnh tổ chức cuộc họp nghe thông qua các nội dung: (1) báo cáo việc tiếp thu ý kiến đóng góp sau Hội nghị, (2) báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến Quy hoạch tỉnh tại Hội nghị ngày 12/5/2022, (3) báo cáo tiến độ Quy hoạch tỉnh. Sau cuộc họp, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với Liên danh tư vấn khẩn trương tổng hợp, đầy nhanh tiến độ cập nhật, điều chỉnh, bổ sung nội dung Quy hoạch tỉnh theo các ý kiến đóng góp, hoàn thành sản phẩm.

UBND tỉnh đã tổ chức hội nghị tiếp thu và giải trình ý kiến đóng góp ý quy hoạch của đơn vị tư vấn, thông qua kết quả chỉnh sửa, giải trình toàn bộ các văn bản lấy kiến các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh đồng bằng sông Cửu long.

2. Khó khăn vướng mắc

Kế hoạch hoàn thành quy hoạch tỉnh trong Quý III/2022, tuy nhiên đến nay tỉnh chưa nhận được đầy đủ ý kiến đóng góp của các Bộ, ngành nên chưa hoàn thiện quy hoạch.

3. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì

UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, theo dõi sát sao tiến độ lập quy hoạch tỉnh, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, kịp thời làm việc với đơn vị tư vấn để nghe báo cáo tiến độ thực hiện dự án, kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc, để đẩy nhanh tiến độ thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Phương hướng trong thời gian tới

Từ ngày 15/9/2022 – 30/9/2022, đăng ký báo cáo xin ý kiến Ban thường vụ Tỉnh ủy và gia hạn tiến độ các bước tiếp theo trước khi trình Hội đồng thẩm định.

Trước ngày 30/9/2022, đơn vị tư vấn phối hợp cơ quan lập Quy hoạch tỉnh hoàn thiện đầy đủ hồ sơ Quy hoạch tỉnh theo quy định và trình Hội đồng thẩm định (Bộ Kế hoạch và Đầu tư). Tỉnh sẽ có gắng phấn đấu trình phê duyệt quy hoạch tỉnh trong tháng 9/2022.

III. LĨNH VỰC NGÂN HÀNG

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Kiên Giang chỉ đạo các tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn đẩy mạnh huy động vốn, đảm bảo cung ứng đủ, kịp thời vốn tín dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đến 31/8/2022, vốn huy động tại địa phương ước đạt 68.500 tỷ đồng, tăng 24,29% so cuối năm 2020. Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống, tín dụng tiêu dùng với mức lãi suất hợp lý²; tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng; kiểm soát chặt chẽ tín dụng và các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Nhờ đó, vốn tín dụng trên địa bàn duy trì tăng trưởng, cơ cấu tín dụng tiếp tục tập trung vốn cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Uớc đến 31/8/2022, dư nợ tín dụng đạt 103.900 tỷ đồng, tăng 18,11% so cuối năm 2020³. Tín dụng đối với các lĩnh vực ưu tiên tăng trưởng khá⁴.

- Tập trung triển khai các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng do thiên tai, dịch bệnh để phục hồi sản xuất kinh doanh (trong đó, tích cực triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn do dịch bệnh Covid-19 như cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ, giảm lãi suất dư nợ hiện hữu..., đặc biệt trong năm 2022, tập trung triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội

² Trên cơ sở NHNN duy trì các mức lãi suất điều hành ổn định (sau 3 lần liên tiếp điều chỉnh giảm đồng bộ các mức lãi suất điều hành với tổng mức giảm 1,5-2%/năm, giảm 0,6-1%/năm trần lãi suất huy động bằng VND có kỳ hạn dưới 6 tháng và 1,5%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND một số lĩnh vực ưu tiên trong năm 2020), phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, lạm phát và thị trường tiền tệ, lãi suất huy động và cho vay bằng VND trên địa bàn tiếp tục giảm (so cuối tháng 12/2020, huy động giảm từ 0,2-0,4%/năm, cho vay giảm từ 0,5-2%/năm), tạo điều kiện hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân phục hồi sản xuất kinh doanh

³ Tín dụng ngành nông, lâm, thủy sản tăng 10,22% so cuối năm 2020; công nghiệp và xây dựng tăng 6,25%; ngành thương mại, dịch vụ tăng 23,03%.

⁴ (i) Cho vay nông nghiệp, nông thôn tăng 23%; (ii) Cho vay sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu tăng 19,99%; (iii) Cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa tăng 26,57%.

theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội, Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ⁵.

- Tiếp tục thực hiện phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu, kiểm soát chất lượng tín dụng, thực hiện mục tiêu tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, nợ xấu tiếp tục duy trì trong giới hạn an toàn với tỷ lệ dưới 2%⁶.

- Triển khai thực hiện Đề án thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2021-2025, đẩy mạnh chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và đào tạo, bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh. Đến cuối tháng 7/2022, toàn tỉnh có 54 TCTD⁷ hoạt động với mạng lưới 208 cơ sở giao dịch⁸ (tăng 01 cơ sở giao dịch so cuối tháng 12/2020), 336 máy ATM, 3.103 máy POS, hơn 1.235 nghìn thẻ và 1.376 nghìn tài khoản (tăng 28 máy ATM, 699 máy POS, hơn 269 nghìn thẻ, 308 nghìn tài khoản so cuối tháng 12/2020).

IV. LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG

1. Tình hình triển khai thực hiện

- Thực hiện hiệu quả các giải pháp điều hành bảo đảm cân đối cung - cầu, bình ổn thị trường: ban hành Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 25/11/2020 về việc cung ứng hàng hóa, bình ổn thị trường những tháng cuối năm 2020 và dịp tết Nguyên đán Tân Sửu 2021, Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 25/12/2021 về việc Cung ứng hàng hóa bình ổn thị trường dịp cuối năm 2021 và tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022. Triển khai thực hiện hỗ trợ 560 triệu đồng chi phí vận

⁵ (i) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ giá trị nợ lũy kế đến 31/7/2022 đạt 3.515 tỷ đồng (6.656 khách hàng). Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tính cơ cấu nợ giá trị nợ lũy kế 142 tỷ đồng (9.581 lượt khách hàng) theo quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

(ii) Miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ số tiền 1.64 tỷ đồng (898 khách hàng; giá trị nợ 680 tỷ đồng). Riêng năm 2021, thực hiện miễn, giảm lãi do các TCTD thuộc nhóm 16 TCTD tham gia chương trình đồng thuận giảm lãi suất cho vay theo cam kết và không thuộc nhóm các TCTD tham gia đồng thuận giảm lãi suất cho vay số tiền 150,6 tỷ đồng (63.365 khách hàng; giá trị nợ 52.368 tỷ đồng).

(iii) Cho vay mới với lãi suất thấp số tiền 66.459 tỷ đồng (8.303 khách hàng còn dư nợ); trong đó cho vay doanh nghiệp trả lương cho người lao động theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ 13 doanh nghiệp số tiền 8.373 tỷ đồng.

(iv) Triển khai Chương trình hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh:

+ Chương trình cho vay ưu đãi, từ 27/4/2022 đến 10/8/2022: (i) Cho vay hỗ trợ tạo việc làm cho 2.650 lao động, số tiền 120.000 triệu đồng; (ii) Cho vay nhà ở xã hội 12 khách hàng, số tiền 4.445 triệu đồng; (iii) Cho vay học sinh, sinh viên mua máy vi tính, thiết bị phục vụ học trực tuyến là 207 học sinh, sinh viên, số tiền 2.070 triệu đồng; (iv) Cho vay cơ sở giáo dục, mầm non 23 cơ sở, số tiền 1.880 triệu đồng.

+ Hỗ trợ lãi suất theo Nghị định 36/2022/NĐ-CP: 27.407 món, số tiền 860.489 triệu đồng.

(v) Triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn do hạn hán, xâm nhập mặn: Lũy kế từ cuối tháng 12/2020 đến cuối tháng 7/2022, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đã tháo gỡ 68 khách hàng vay vốn bị ảnh hưởng có đe dọa với số dư nợ 741 triệu đồng.

⁶ Đến cuối tháng 7/2022, tỷ lệ nợ xấu nội bảng đạt 1,47%.

⁷ 05 NH TMNN, 25 NH TMCP, 01 NH Chính sách xã hội, 01 NH HTX và 22 QTDND

⁸ 01 trụ sở chính NH TMCP, 59 chi nhánh ngân hàng, 126 phòng giao dịch, điểm giới thiệu dịch vụ và 22 QTDND

chuyển đưa 4 chuyến đưa hàng hóa bình ổn về 7 xã đảo⁹, với tổng lượng hàng hóa 230 tấn, tổng giá trị hàng hóa khoảng 8,1 tỷ đồng; tổng doanh thu bán hàng trên 5,44 tỷ đồng; hàng hóa đưa ra đảo chủ yếu là các hàng hóa nhu yếu phẩm, phòng chống dịch bệnh Covid-19 và các mặt hàng điện tử, đồ dùng gia đình¹⁰.... Chỉ đạo các doanh nghiệp tổ chức được 6 chuyến đưa hàng hóa bình ổn về vùng nông thôn, vùng sâu, biên giới tại các huyện Giồng Riềng, Vĩnh Thuận, Gò Quao, Giang Thành (năm 2021) và Thành phố Hà Tiên (phường: Mỹ Đức, Tô Châu năm 2022).

Thường xuyên theo dõi tình hình dịch bệnh, diễn biến thị trường không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, tăng giá đột biến. Hỗ trợ 57 doanh nghiệp, cơ sở tăng 26 doanh nghiệp, cơ sở so với năm 2021¹¹ tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, khuyến mãi, giảm giá nhằm kích cầu tiêu dùng; tham gia 5 hội chợ, hội nghị kết nối tiêu thụ trên 241 sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm công nghiệp chủ lực và các mặt hàng nông thủy sản của tỉnh, tăng 185 sản phẩm so với năm 2021 (96 sản phẩm), qua đó đã ký kết 17 biên bản hợp đồng ghi nhớ với các tỉnh, thành, hệ thống phân phối, chợ truyền thống trong cả nước.

- Xây dựng Quy hoạch điện VI

Xây dựng danh mục các dự án điện gió trên địa bàn tỉnh để xuất tính toán trong Quy hoạch điện VIII¹², góp ý để hoàn thiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045¹³;

- Về cấp điện nông thôn, vùng sâu, vùng xa, hải đảo: Đến nay, tỉnh Kiên Giang đã có 06 xã đảo được cấp điện lưới quốc gia và xã đảo Thổ Châu đã được Bộ Công Thương đưa vào Tiểu dự án Cấp điện xã Thổ Châu sử dụng nguồn vốn Chương trình SETP-EU tài trợ". Còn lại 02 xã đảo An Sơn và Nam Du chưa được cấp điện lưới quốc gia.

Do quy mô tổng nguồn vốn đầu tư cấp điện lưới quốc gia cho 02 xã đảo An Sơn và Nam Du là rất lớn (khoảng 1.433 tỷ đồng), nên ngành điện không có khả năng cân đối mà phải chờ thực hiện theo nguồn vốn của Dự án 11834 (vốn ngân sách trung ương 85%, vốn ngành điện 15%). Hiện nay, Bộ Công Thương đã có Tờ trình số 3462/TTr-BCT ngày 15/6/2021 về việc Quyết định chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công "Cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2021–2025". Theo đó, tỉnh Kiên Giang có các danh mục gồm Dự án cấp điện nông thôn từ lưới quốc gia trong đất liền, Tiểu dự án cấp điện nông thôn từ

⁹ xã Hòn Nghệ, Sơn Hải (Huyện Kiên Lương), xã Tiên Hải (Thành phố Hà Tiên), xã An Sơn Nam Du, Lại Sơn, Hòn Tre (Huyện Kiên Hải).

¹⁰ Năm 2022 tổ chức đưa 2 chuyến hàng bình ổn về vùng sâu vùng biên giới là 3 tấn hàng hóa, giá trị 120 triệu đồng.

¹¹ 29 doanh nghiệp, cơ sở.

¹² Công văn số 1418/UBND-KT ngày 09/10/2020.

¹³ Công văn số 572UBND-KT ngày 19/4/2022

năng lượng tái tạo cho xã đảo Thổ Châu và danh mục dự án cấp điện cho 2 xã đảo Nam Du và An Sơn tỉnh Kiên Giang.

- Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa giai đoạn 2021 – 2030: ban hành Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 09/7/2021 về việc thực hiện Đề án Đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 03/6/2022 về việc nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển logistics trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2022-2026; Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 942/QĐ-TTg và đề xuất xây dựng Chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam giai đoạn 2017-2020, định hướng 2030¹⁴; Báo cáo số 131/BC-UBND ngày 07/5/2021 về việc tham mưu báo cáo kết quả thực hiện Chiến lược xuất khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Kim ngạch xuất khẩu 8 tháng đầu năm 2022 ước đạt 558,95780 triệu USD, đạt 71,66% kế hoạch và tăng 16,67% so với cùng kỳ, năm 2021 đạt 731/750 triệu USD, đạt 97/47% kế hoạch và tăng 7,17% so với năm 2020. Hiện nay tỉnh có khoảng 44 doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu qua thị trường 47 quốc gia và vùng lãnh thổ, tăng 4 thị trường so với cùng kỳ¹⁵. Kim ngạch nhập khẩu 8 tháng đầu năm 2022 ước đạt 109,80/130 triệu USD đạt 84,46% kế hoạch và tăng 16,39% so với cùng kỳ, năm 2021 đạt 125 triệu USD, đạt 125% kế hoạch, giảm 3,4% so với cùng kỳ. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu như: thạch cao, hạt nhựa, lúa, hải sản, nguyên liệu giày da

- Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045: ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 23/11/2021 về đầu tư phát triển hạ tầng thương mại giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và Phương án phát triển thương mại thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tích hợp vào trong Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm phát triển cơ sở hạ tầng thương mại, để đẩy mạnh lưu chuyển, tiêu thụ, phân phối sản phẩm, góp phần thúc đẩy tăng sản xuất công nghiệp và tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong xúc tiến thương mại, có cơ chế thúc đẩy phát triển, quản lý hoạt động thương mại điện tử: ban hành Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 02/11/2020 về phát triển thương mại điện tử tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 18/5/2022 và thực hiện Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển

¹⁴ Số 62/BC-UBND ngày 03/02/2021

¹⁵ cụ thể. Ấn Độ (Giày da), Ả-Rập (Thủy sản), Ai Cập (Cá đóng hộp), Guinea (Gạo). Trong đó, gạo xuất khẩu qua 9 thị trường, các thị trường chiếm kim ngạch lớn như Ghana, Trung Quốc, Philippine, và thủy sản xuất khẩu qua 3 thị trường, các thị trường chiếm kim ngạch lớn như Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan,... Giày da xuất khẩu qua 20 thị trường, các thị trường chiếm kim ngạch lớn như: Hồng Kông, Bỉ, Chile,...

đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2022 và kế hoạch khung giai đoạn 2022-2025, với tổng kinh phí 5 tỷ đồng, hỗ trợ cho trên 300 lượt doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh và cán bộ các sở, ban, ngành UBND các huyện, thành phố được tham gia tập huấn, hướng dẫn, hỗ trợ, cập nhật các nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại và đảm bảo an toàn thông tin.

Xây dựng và đưa vào hoạt động Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Kiên Giang (kigi.com.vn) với mục tiêu tạo môi trường kinh doanh trực tuyến tập trung. Năm 2022 đã hỗ trợ 154 sản phẩm tăng 20 sản phẩm so với năm 2021 (134 sản phẩm) của 89 cơ sở, doanh nghiệp tăng 9 cơ sở, doanh nghiệp so với năm 2021 (80 cơ sở, doanh nghiệp) nhằm quảng bá thương hiệu, thông tin sản phẩm, dịch vụ nhất là các mặt hàng nông, thủy sản. Hỗ trợ đưa thông tin và quảng bá thông tin về tiềm năng xuất khẩu tỉnh Kiên Giang của 82 doanh nghiệp xuất nhập khẩu, sản phẩm tiêu biểu, OCOP, sản phẩm công nghiệp chủ lực lên cổng xuất nhập khẩu quốc gia - Bộ Công Thương (www.vietnamexport.com); hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng miễn phí Bộ giải pháp hoàn tất đơn hàng trực tuyến (dự kiến 10 bộ).

- Thực hiện hiệu quả, bảo đảm đúng lộ trình cam kết trong các Hiệp định thương mại tự do: ban hành Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 03/02/2021 thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 04/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về hội nhập kinh tế quốc tế; Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA) giai đoạn 2021 –2025; Kế hoạch số 149/KH-UBND, ngày 27/7/2021 về việc thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 24/01/2022 về việc thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực về phòng vệ thương mại trong bối cảnh tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch thực hiện Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (Hiệp định RCEP) của tỉnh Kiên Giang.

- Ngăn chặn, xử lý nghiêm việc sản xuất, vận chuyển, buôn bán hàng cấm, hàng nhập lậu, hàng gian lận thương mại, hàng giả, vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ, hàng kém chất lượng: Thực hiện tốt vai trò Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo 389/KG, ban hành Kế hoạch số 203/KH-BCĐ ngày 24/12/2020 của BCĐ 389/KG về cao điểm đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trước, trong và sau Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021; Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 11/01/2022 về ban hành kế hoạch kiểm tra thực địa các tuyến buôn lậu trọng điểm theo kế hoạch cao điểm đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trước, trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022; Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 về việc kiện toàn Ban Chỉ

đạo, Đoàn kiểm tra liên ngành chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả tỉnh Kiên Giang, Kế hoạch số 20/KH-BCĐ ngày 21/01/2022 về kiểm tra thực địa các tuyến buôn lậu trọng điểm theo kế hoạch cao điểm đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trước, trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022; Chương trình số 07/CTr-BCĐ ngày 24/01/2022 về kiểm tra thực địa các tuyến buôn lậu của Đoàn công tác Ban Chỉ đạo 389/KG; Quyết định số 1604/QĐ UBND ngày 29/6/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra, giám sát phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh phân phối hàng hóa (Kế hoạch số 30/KH-ĐKT389 ngày 21/6/2022). Đến tháng 8 năm 2022, các lực lượng chức năng đã phát hiện 692 vụ vi phạm, giảm 20% (171 vụ) so với cùng kỳ¹⁶, thu nộp ngân sách nhà nước 37,36 tỷ đồng¹⁷. Góp phần ổn định thị trường, không có hiện tượng găm hàng, tăng giá bất hợp lý, đảm bảo hàng cung ứng phục vụ người dân.

2. Khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Từ khi Nghị quyết số 134/2020/QH14 được ban hành từ cuối năm 2020 đến tháng 8 năm 2022, tình hình kinh tế thương mại toàn cầu gặp nhiều khó khăn, thách thức do những tác động tiêu cực từ dịch bệnh Covid -19 diễn biến phức tạp trên toàn cầu, biến đổi khí hậu vẫn còn diễn biến phức tạp, cuộc xung đột giữa Nga và Ucraina,... tạo lực cản lớn đối với sự hồi phục kinh tế toàn cầu, tạo nên những căng thẳng mới đối với chuỗi cung ứng và tạo áp lực lạm phát mạnh hơn; các thị trường nhập khẩu tăng cường biện pháp rào cản kỹ thuật, một số nước tiếp tục áp dụng chính sách zero Covid, chi phí dịch vụ logistic, giá cước vận tải gia tăng đã làm giảm sức mạnh phục hồi của thương mại hàng hóa. Giá các mặt hàng chiến lược, thiết yếu (xăng dầu, khí đốt,...) và giá các mặt hàng nguyên vật liệu sản xuất (phân bón,...) tiếp tục tăng cao, một số mặt hàng chạm các mốc kỷ lục đã ảnh hưởng đến phát triển một số ngành sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và tiêu dùng của người dân. Tình hình buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng cấm, hàng hóa qua biên giới vẫn còn diễn biến phức tạp.

3. Trách nhiệm của tổ chức, đơn vị, người đứng đầu

Tỉnh tập trung chỉ đạo, điều hành thực hiện các biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, các chính sách hỗ trợ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp và công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19; thường xuyên theo dõi tình hình sản xuất

¹⁶ trong đó 168 vụ buôn bán, vận chuyển trái phép hàng cấm, hàng lậu, giảm 40% (113 vụ so với cùng kỳ; 516 vụ gian lận thương mại, giảm 3% (14 vụ) so với cùng kỳ; 8 vụ hàng giả, giảm 70% (19 vụ) so với cùng kỳ.

¹⁷ giảm 29% so với cùng kỳ; khởi tố 8 vụ, giảm 5 vụ so với cùng kỳ, 8 đối tượng, giảm 4 đối tượng so với cùng kỳ. Năm 2021, có 1.252 vụ vi phạm, giảm 10% (142 vụ) so với cùng kỳ, trong đó 457 vụ buôn bán, vận chuyển trái phép hàng cấm, hàng lậu, tăng 36% (120 vụ) so với cùng kỳ; 734 vụ gian lận thương mại, giảm 20% (190 vụ) so với cùng kỳ; 61 hàng giả, giảm 54% (72 vụ) so với cùng kỳ; thu nộp ngân sách nhà nước 64,026 đồng, giảm 31% so với cùng kỳ; khởi tố 20 vụ, giảm 31% (9 vụ) so với cùng k 18 đối tượng, giảm 51% (19 đối tượng) so với cùng kỳ

kinh doanh của các doanh nghiệp, tình hình thị trường, triển khai các biện pháp cân đối cung cầu, bình ổn thị trường; các chợ và hệ thống phân phối hàng hóa đảm bảo nguồn cung các mặt hàng tiêu dùng phục vụ cho người dân trong mọi tình huống, số lượng hàng hóa dự trữ tăng so với ngày bình thường, thực hiện các biện pháp kích cầu tiêu dùng, bình ổn thị trường nội địa, các chương trình, hình thức khuyến mại, giảm giá nhằm kích cầu, thu hút tiêu dùng của người dân.

4. Phương hướng, giải pháp, mục tiêu thực hiện trong thời gian tới đối với những nội dung chưa hoàn thành theo nghị quyết

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 225/KH-UBND ngày 23/11/2021 của UBND tỉnh về đầu tư phát triển hạ tầng thương mại giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và Phương án phát triển thương mại thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tích hợp vào trong Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm phát triển cơ sở hạ tầng thương mại, để đẩy mạnh lưu chuyển, tiêu thụ, phân phối sản phẩm, góp phần thúc đẩy tăng trưởng sản xuất công nghiệp, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ.

V. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Tình hình thực hiện

- Về xây dựng nông thôn mới: Có thêm 11/14 xã đạt chuẩn nông thôn mới, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định công nhận huyện Vĩnh Thuận đạt chuẩn nông thôn mới và thành phố Hà Tiên hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; đến nay toàn tỉnh có 101/116 xã và 05/15 huyện, thành phố đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, bình quân toàn tỉnh đạt 18,4 tiêu chí/xã. Toàn tỉnh có 108 sản phẩm đã được công nhận OCOP từ 3 sao trở lên, trong đó có 06 sản phẩm trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét công nhận sản phẩm OCOP cấp Quốc gia; có 02 sản phẩm đạt sản phẩm tiêu biểu vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Việc thực hiện lồng ghép các nội dung của cơ cấu lại nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới đã được nhiều huyện làm khá tốt, nhất là trong phát triển hạ tầng, phát triển sản xuất nâng cao đời sống của nông dân. Hệ thống dịch vụ ở nông thôn có bước phát triển mới, nhất là dịch vụ cơ giới hóa trong nông nghiệp, thú y, bảo vệ thực vật và thương mại cung ứng vật tư, cấp nước sạch, xử lý rác thải sinh hoạt,...

- Thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp, nhất là việc chuyển đổi từ số lượng sang chất lượng và liên kết sản xuất, xây dựng chuỗi giá trị: tập trung xây dựng “Cánh đồng lớn” đáp ứng vùng nguyên liệu và ứng phó biến đổi khí hậu, trong năm 2021 phê duyệt Đề án “Phát triển vùng nguyên liệu lúa gạo các huyện vùng Tứ giác Long Xuyên phục vụ chế biến và xuất khẩu giai đoạn 2021-2025” quy

mô 123.000 ha. Đồng thời, đã và đang thực hiện các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, liên kết xây dựng chuỗi nông sản thông qua các Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 27/4/2021 của UBND tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2020-2025; Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 27/01/2022 của UBND tỉnh về chính sách khuyến khích đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2020-2025.

- Công tác phòng chống thiên tai: Thực hiện Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Kiên Giang đã ban hành Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 19/7/2021 về thực hiện Chiến lược quốc gia phòng chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; ban hành Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 phê duyệt Đề án ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, sạt lở bờ biển, bờ sông, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Qua đó đã triển khai có hiệu quả kế hoạch phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn; thường xuyên theo dõi, thông tin về tình hình xâm nhập mặn để người dân chủ động phòng tránh và kiểm tra nguồn nước trước khi bơm tưới; phối hợp vận hành hiệu quả hệ thống Cống Cái Lớn - Cái Bé, đảm bảo an toàn nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt cho người dân ở các huyện Châu Thành, Giồng Riềng, Gò Quao, giảm khoảng 260 đập tạm ngăn mặn, tiết kiệm cho ngân sách trên 20 tỷ đồng và không cản trở giao thông thủy, ô nhiễm nguồn nước do đắp đập kéo dài. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các công trình, dự án phòng chống thiên tai, sạt lở bờ biển, đã hoàn thành: (i) sạt lở bờ sông: 35.216m, tổng vốn đầu tư là 180,35 tỷ đồng, trong đó vốn Trung ương 169 tỷ đồng và vốn địa phương 11.35 tỷ đồng; (ii) sạt lở bờ biển: 21.585m, tổng vốn đầu tư là 354,51 tỷ đồng, trong đó vốn Trung ương 315,39 tỷ đồng và vốn địa phương 39,12 tỷ đồng.

- Về tăng cường năng lực hệ thống thú y: căn cứ Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường năng lực hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y các cấp giai đoạn 2021-2030, tỉnh Kiên Giang đã ban hành Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 11/6/2021 về tăng cường năng lực hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y các cấp giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Qua đó, tỉnh đã từng bước kiện toàn, sắp xếp hệ thống thú y từ tỉnh đến xã, nâng cao năng lực kiểm soát dịch bệnh, nhất là việc khống chế các dịch bệnh nguy hiểm ảnh hưởng đến đàn vật nuôi và những dịch bệnh có nguy cơ lây sang người, bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao trong tỉnh và cả nước.

- Lâm nghiệp: Tiếp tục triển khai Đề án cho thuê rừng và môi trường rừng đặc dụng, phòng hộ trên địa bàn tỉnh và Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Vườn Quốc gia Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; thành lập Tổ

công tác đặc biệt kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về lĩnh vực đất đai, lâm nghiệp và xây dựng trên địa bàn thành phố Phú Quốc; đẩy mạnh các biện pháp quản lý và bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng; đã tổ chức tuần tra, truy quét, phát hiện và lập biên bản 158 vụ vi phạm, tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính 1,3 tỷ đồng.

- Về tăng cường kiểm soát hoạt động khai thác hải sản: tập trung quyết liệt chỉ đạo, điều hành, tuyên truyền, vận động và triển khai đồng bộ các ý kiến chỉ đạo của Chính Phủ theo tinh thần Thông báo số 245/TB-VPCP ngày 14/9/2021 của Văn phòng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về IUU, Nghị quyết số 34-NQ/TU của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 188/KH-UBND, ngày 08/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo IUU tỉnh về chống khai thác IUU; khắc phục triệt để các tồn tại, hạn chế về chống khai thác hải sản bất hợp pháp với quyết tâm chính trị cao nhất, đồng thời gắn với trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm Luật Thủy sản và các quy định liên quan, khắc phục các khuyến nghị của Đoàn Thanh tra Ủy ban Châu Âu (EC), các quy định của luật pháp quốc tế. Quan tâm đầu tư và triển khai các dự án để nâng cấp hạ tầng kỹ thuật nghề cá. Đảm bảo nguồn lực và trang thiết bị cho cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ phòng, chống khai thác IUU. Tăng cường kiểm tra, chỉ đạo việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình cho tàu cá theo lộ trình kế hoạch; cấp giấy phép khai thác, đánh dấu tàu cá, kẻ số đăng ký tàu cá theo quy định. Hướng dẫn các địa phương triển khai, thu thập, cập nhật cơ sở dữ liệu nghề cá.

- Về sắp xếp, di dời, bố trí dân cư: thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg, ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình Bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”. Hiện nay tỉnh đang xây dựng đề cương Đề án tuyển dân cư, bố trí dân cư biên giới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Khó khăn

Việc xây dựng kế hoạch, chương trình, dự án cụ thể hóa và triển khai chậm dẫn đến nhiều nội dung trong đề án chưa đạt mục tiêu đề ra.

Nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất, hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng nhất là hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất và phục vụ chuyển đổi mô hình sản xuất.

Việc triển khai nhân rộng các mô hình sản xuất đạt chuẩn VietGAP, GlobalGAP, SRP, Hữu cơ,... gắn với mã vùng trồng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm còn chậm, chưa theo kịp nhu cầu của thị trường trong, ngoài nước. Chi phí vật tư đầu vào phục vụ hoạt động khai thác thủy sản tăng cộng với việc thiếu lực

lượng lao động nên lĩnh vực khai thác thủy sản xa khơi gặp nhiều khó khăn, dự báo tổng sản lượng thủy sản khai thác có khả năng khó đạt kế hoạch đề ra.

3. Giải pháp trong thời gian tới

Trước mắt, tập trung sản xuất hàng hóa qui mô lớn, đạt các tiêu chuẩn chứng nhận để tăng giá trị. Tiếp tục rà soát chuyển đổi khu vực sản xuất lúa kém hiệu quả sang phát triển nuôi tôm – lúa, trong đó tập trung chuyển đổi khoảng 20.000 ha khu vực phía Nam Quốc lộ 80 thuộc địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Thực hiện tốt giải pháp phát triển chăn nuôi, đặc biệt chú trọng tái đàn heo, phát triển chăn nuôi qui mô trang trại, triển khai thực hiện tốt “Đề án phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030”. Tiếp tục đẩy mạnh, nhân rộng mô hình nuôi tôm công nghiệp. Theo dõi chặt thời tiết, cảnh báo thiên tai, kịp thời ứng phó với thời tiết diễn biến phức tạp. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển nuôi ven biển, dưới tán rừng, ven đảo và xa khơi gắn với triển khai thực hiện và quản lý tốt Đề án Phát triển nuôi biển theo định hướng bền vững trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2030; phấn đấu xây dựng huyện An Biên và huyện Kiên Lương đạt chuẩn huyện nông thôn mới trong năm 2022; tiếp tục hỗ trợ phát triển các sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh,…

Về lâu dài: chuyển đổi sang sản xuất nông nghiệp xanh, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp có trách nhiệm, nông nghiệp đa giá trị. Đặc biệt tiết kiệm vật tư đầu vào, sử dụng hiệu quả tài nguyên, không ảnh hưởng môi trường sức khỏe con người; chuyển đổi tư duy của nông dân về phát triển kinh tế nông nghiệp, chuyển từ tăng sản lượng sang nâng cao giá trị, chất lượng, hiệu quả sản xuất. Kết hợp các giá trị trong sản phẩm cho lợi nhuận cao hơn. Phát triển tư duy hợp tác cần liên kết để phát triển. Không chỉ hỗ trợ đầu vào mà còn tập trung hỗ trợ đầu ra, phát triển xuất khẩu đi đôi với chú trọng thị trường nội địa, liên kết ngành giữa nông nghiệp với công nghiệp dịch vụ, phát triển cụm liên kết ngành, phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn, phát triển hạ tầng nông nghiệp phục vụ đa mục tiêu.

VI. LĨNH VỰC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ, TÀI CHÍNH

1. Tình hình triển khai thực hiện

- Ban hành Kế hoạch số 44/KH-UBND triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Từ đầu năm đến tháng 8/2022 tỉnh thành lập mới 1.236 doanh nghiệp với số vốn đăng ký là 16.695,1 tỷ đồng, tăng 33% về số doanh nghiệp và giảm 10% về vốn đăng ký so với cùng kỳ¹⁸. Có 329

¹⁸ Cùng kỳ 8 tháng thành lập mới là 927 doanh nghiệp, vốn đăng ký là 18.606,15 tỷ đồng.

doanh nghiệp hoạt động trở lại; tăng 4% so với cùng kỳ, có 202 doanh nghiệp thực hiện thủ tục giải thể; tăng 27% lần so với cùng kỳ, có 567 doanh nghiệp đăng ký tạm ngưng hoạt động tăng 28% so với cùng kỳ. Số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh là 11.700 doanh nghiệp, với số vốn đăng ký là 191.438,5 tỷ đồng¹⁹(tăng 468 doanh nghiệp và tăng 46.486,65 tỷ đồng vốn đăng ký so với cùng kỳ).

Trong 8 tháng năm 2022, toàn tỉnh cấp mới 05 dự án, với quy mô 113,47 ha, tổng vốn đăng ký đầu tư 6.397,46 tỷ đồng. Hiện nay, toàn tỉnh đã thu hút được 778 dự án với quy mô 31.759,308 ha, tổng vốn đăng ký đầu tư 605.329,00 tỷ đồng; trong đó có 357 dự án đã đi vào hoạt động, với quy mô 14.603,34ha, tổng vốn đầu tư 109.242,23 tỷ đồng, có 105 dự án đang triển khai xây dựng, với quy mô 4.313,78 ha; tổng vốn đăng ký đầu tư 186.931,66 tỷ đồng. Đến nay đã thu 292 dự án, với quy mô 12.028,94 ha. Kiên Giang hiện có 55 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài của các nhà đầu tư đến từ 19 Quốc gia và vùng lãnh thổ (Hoa Kỳ, Thụy Sỹ, Malaysia, Úc, Thụy Điển, Trung Quốc, Thái Lan, Đài Loan, Philippines, Singapore, Campuchia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Séc, Pháp, Slovakia, Nga, British Virgin Islands và Cayman Islands) còn hiệu lực được cấp Giấy phép đầu tư/Giấy Chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, với tổng vốn đầu tư đăng ký là 2.762.393.200 USD (vốn thực hiện lũy kế đến thời điểm hiện tại là 790.717.002 USD chiếm 29%/tổng vốn đầu tư đăng ký) đầu tư vào các lĩnh vực như: du lịch, nông nghiệp, công nghiệp chế biến, chế tạo, vận chuyển dầu khí, thương mại dịch vụ,... Trong đó, có 02 dự án có vốn đầu tư đăng ký từ 100 triệu USD và dự án có diện tích đất sử dụng từ 50ha trở lên²⁰

- Hàng tháng tỉnh đã kịp thời cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công. Tỉnh cũng đang xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý đầu tư công cấp tỉnh.

2. Khó khăn, vướng mắc

Khó khăn lớn nhất đối với địa phương, cũng như các nhà đầu tư là thiếu các cơ chế chính sách thông thoáng, đồng bộ để hoạt động. Một số nhà đầu tư gặp khó khăn trong tiếp cận thông tin, triển khai các dự án.

Hoạt động tổng thể của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn còn chưa ổn định, mặc dù số lượng doanh nghiệp thành lập tăng nhưng vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới giảm, và các doanh nghiệp kinh doanh quy mô nhỏ, lẻ này tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực: Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; công

¹⁹ Cùng kỳ có 11.232 doanh nghiệp, vốn đăng ký là 144.951,85 tỷ đồng.

²⁰ Dự án đầu tư nhà máy xi măng Hòn Chông, quy mô 1.760.000 tấn xi măng OPC/ năm, Diện tích đất sử dụng: 586,9 ha đất và 175,8 ha mặt nước biển tại xã Bình An và xã Dương Hòa, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang, 259.521,6 m² đất tại ấp Ba Núi, xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang, 1.782 m² tại ấp Hòn Chông, xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Tổng vốn đầu tư của dự án: 5.620.000.000.000 đồng (tương đương 348.000.000 USD). Dự án đầu tư đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn quy mô 324,7ha.

nghiệp chế biến, chế tạo; vận tải kho bãi; sản xuất phân phôi, điện, nước, gas; dịch vụ việc làm, du lịch, cho thuê máy móc,... So với cùng kỳ, số doanh nghiệp hoạt động trở lại giảm, doanh nghiệp giải thể tăng và doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh tăng, tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực: Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy; xây dựng; kinh doanh bất động sản, dịch vụ lưu trú và ăn uống,...

Dự án đầu tư đường ống dẫn khí Lô B đã chậm tiến độ so với chủ trương đầu tư đã được phê duyệt (thời gian vận hành, sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ từ tháng 12/2021). Nguyên nhân chính là vướng mắc trong thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy điện Ô Môn III, nên Dự án Đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn cũng bị ảnh hưởng do gắn liền trực tiếp với các nhà máy điện Ô Môn đang thực hiện phê duyệt chủ trương đầu tư.

3. Phương hướng thời gian tới

Dự án đầu tư đường ống dẫn khí Lô B: Nhà đầu tư đã nộp hồ sơ điều chỉnh dự án đầu tư tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thay đổi 01/04 nhà đầu tư, thông tin các nhà đầu tư còn lại, tiến độ góp vốn và thời gian thực hiện²¹. Để nhà đầu tư có cơ sở tiếp tục góp vốn thực hiện dự án, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét các nội dung đề nghị điều chỉnh của nhà đầu tư. Đồng thời rà soát, đôn đốc các đơn vị có liên quan hoàn thiện các chủ trương đầu tư liên quan đến Chuỗi d

VII. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Kết quả thực hiện

Ban hành quyết định phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030, hoàn thành công tác thẩm định Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030, kế hoạch sử dụng đất 2022 cấp huyện của 15/15 huyện, thành phố; phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 2022 của 12/15 huyện, thành phố (Vĩnh Thuận, Giồng Riềng, Gò Quao, Giang Thành, An Biên, An Minh, U Minh Thượng, Kiên Lương, Hòn Đất, Tân Hiệp, Châu Thành, Kiên Hải); còn lại 03/15 huyện, thành phố (Rạch Giá, Hà Tiên và Phú Quốc) đang xem xét; công bố quy hoạch 2030, kế hoạch sử dụng đất theo quy định 2022. Ban hành văn bản triển khai lập kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023 trên địa bàn tỉnh, bổ sung danh mục dự án cần thu hồi đất; danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa thực hiện trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai²².

²¹ Theo Công văn số 4672/BKHĐT-GSTDĐT ngày 12/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị có ý kiến thẩm định về hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đề điều chỉnh Dự án đường ống dẫn khí Lô B Ô Môn.

²² Đã hoàn thành các công đoạn thi công và nghiệm thu 04/15 huyện, thành phố; đang triển khai thi công 09/15 huyện, thành phố và đã phê duyệt thiết kế dự toán 02/15 huyện, thành phố.

Về tăng cường thực hiện các biện pháp xử lý rác thải, chất thải, tăng cường tái sử dụng tái chế, giảm thiểu chôn lấp rác thải: UBND tỉnh đã ban hành Đề án xã hội hóa về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đến năm 2025²³ và Đề án “Tăng cường quản lý, xử lý rác thải, nước thải ở các đô thị, khu dân cư giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo”²⁴. Công tác truyền thông về bảo vệ môi trường ngày càng đi vào chiều sâu, có những sáng kiến, cách làm hay, ngày càng thu hút được sự tham gia của doanh nghiệp, của cộng đồng, góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của xã hội đối với công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Năm 2021, tổ chức Hội nghị hướng dẫn triển khai các mô hình xử lý rác thải sinh hoạt và các giải pháp kiểm soát, xử lý chất thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường tại huyện Gò Quao, với tổng số 800 người tham dự; tổ chức tọa đàm trực tuyến về "Vai trò của cộng đồng trong bảo vệ môi trường và giảm áp lực môi trường", đây là một trong các hoạt động tuyên truyền nhằm hưởng ứng Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn năm 2021; tổ chức Hội thảo khoa học "Đánh giá hiện trạng ô nhiễm và đề xuất giải pháp cải thiện môi trường sông Dương Đông - thành phố Phú Quốc"...

Huy động nguồn lực cho thích ứng biến đổi khí hậu: Ngày 11/5/2022 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1176/QĐ-UBND phê duyệt danh mục dự án kêu gọi đầu tư nhằm thực hiện kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, sạt lở bờ biển, bờ sông giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, với tổng số dự án kêu gọi đầu tư là 55 dự án.

2. Phương hướng trong thời gian tới

Tổ chức tốt việc thực hiện Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phối hợp trong Lập Quy hoạch tỉnh Kiên Giang (02 hợp phần Quy hoạch môi trường và Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học); Đánh giá môi trường chiến lược thuộc quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm, đẩy mạnh phong trào giảm thiểu rác thải nhựa; tăng cường vệ sinh môi trường đô thị và bảo vệ môi trường nông thôn. Phấn đấu tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn; tiếp tục tổ chức vận chuyển, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh.

²³ Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 26/01/2022.

²⁴ Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 08/4/2022

Tăng cường thực hiện xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, kêu gọi đầu tư thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn, nước thải sinh hoạt đô thị trên địa bàn tỉnh.

VIII. LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Tình hình triển khai thực hiện

- Tiếp tục sửa đổi đồng bộ cơ chế quản lý, tài chính, phương thức đầu tư, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy và đổi mới sáng tạo (ĐMST) phát triển

Ban hành Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 25/3/2022 về việc hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 10/4/2020 thực hiện Kế hoạch số 197-KH/TU ngày 28/02/2020 của Tỉnh ủy Kiên Giang thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 10/5/2018 thực hiện hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025. Quyết định số 3034/QĐ-UBND ngày 8/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2030.

Triển khai Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 08/4/2021 của UBND tỉnh về Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch số 37/KH-SKHCN ngày 28/3/2022 về việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2022 nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, hợp tác, thúc đẩy phát triển sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Đẩy mạnh hợp tác trong nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng công nghệ:

Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ thời gian qua đạt được nhiều kết quả nổi bật, tích cực góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật đã góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hàng hóa, nhất là sản phẩm chủ lực của tỉnh (lúa, tôm sú) góp phần nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh trên thị trường. Giai đoạn 2020-2022, tỉnh Kiên Giang triển khai thực hiện 01 dự án²⁵ thuộc Chương trình nông thôn miền núi và 22 đề tài, dự án (ĐTDA) cấp tỉnh²⁶. Tập trung các nghiên cứu, triển khai mô hình ứng dụng như: nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các quy trình sản xuất giống và nuôi thương

²⁵ Dự án “Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình ương giống, nuôi thương phẩm cá Chim vây vàng (Trachinotus blochii) trong lồng trên biển quy mô công nghiệp tại Phú Quốc, Kiên Giang”, do Công ty TNHH MTV Thương mại, dịch vụ, xuất nhập khẩu Trần Phú là tổ chức chủ trì.

²⁶ có 06 ĐTDA năm 2020; 16 ĐTDA năm 2022.

phẩm các giống thủy sản²⁷, sản xuất lúa hữu cơ, chọn tạo giống lúa thơm, chịu mặn; các nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ vào trong sản xuất (Ứng dụng IoT mạng cảm biến trong nuôi trồng thủy sản, nuôi kết hợp tôm càng xanh toàn đực và tôm thẻ chân trắng, canh tác lúa chất lượng cao, thông minh gắn với liên kết tiêu thụ trên 03 vùng sinh thái); các dự án thuộc khung đề án bảo tồn gen động, thực vật cấp tỉnh được triển khai nhằm thu thập, lưu giữ nhiều nguồn gen bản địa như: Bí kỳ nam, ghẹ xanh, một số nguồn gen cá nước ngọt bản địa (cá trê vàng, cá lóc đồng). Các nghiên cứu công nghệ, áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, giao thông (Ứng dụng công nghệ IoT mạng cảm biến để xác định chỉ tiêu môi trường trong nuôi trồng thủy sản; công nghệ BIM & GIS trong quản lý công trình giao thông; giải pháp bê tông cát - nước mặn sử dụng cốt thanh phi kim cho công trình xây dựng ven biển và khu vực bị xâm thực mặn; nghiên cứu cải tiến, tự động hóa công đoạn xử lý đầu vào của lò đốt rác,...).

- Thúc đẩy phát triển thị trường, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: hàng năm tỉnh đều ban hành kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Ban hành Kế hoạch số 69/KH-UBND về việc hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2022. Tổ chức trao đổi kinh nghiệm về khởi nghiệp tại tỉnh Bình Dương; trao đổi kinh nghiệm hình thành và phát triển trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại tỉnh Sóc Trăng; hướng dẫn, hỗ trợ 01 doanh nghiệp sử dụng dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hỗ trợ 04 dự án tham gia cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tầm khu vực, quốc gia và 02 dự án tham gia cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tầm khu vực; hỗ trợ 02 doanh nghiệp sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu; thực hiện chuyên đề tuyên truyền khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hàng tháng.

- Cơ chế khuyến khích liên kết, thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ trong doanh nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, hợp tác và nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến: thực hiện Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025. Đến nay, đã cấp 02 giấy chứng nhận doanh nghiệp; triển khai 01 dự án²⁸ tiếp nhận chuyển giao công nghệ lĩnh vực nuôi trồng thủy sản.

2. Khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Trong nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học và công nghệ chưa có đề tài, dự án có quy mô lớn, mang tính đột phá, đủ sức tác động, chuyển biến

²⁷ Ghẹ xanh, ốc hương, vẹm xanh, cá chạch lầu, tôm cành xanh toàn đực, tôm thẻ chân trắng

²⁸ Dự án “Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình ương giống, nuôi thương phẩm cá Chim vây vàng (Trachinotus blochii) trong lồng trên biển quy mô công nghiệp tại Phú Quốc, Kiên Giang” đã triển khai chuyển giao công nghệ của Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản I về quy trình kỹ thuật ương, nuôi thương phẩm cá Chim vây vàng tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Trần Phú, kết quả đến nay dự án đã triển khai các quy trình theo tiến độ đề cương được phê duyệt.

phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc thực hiện cơ chế khoán quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BTC- BKHCN của liên Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính quy định khoán chi đối với nhiệm vụ khoa học công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước, hiện nay còn hạn chế.

Nguyên nhân: sự phối hợp giữa các ban, ngành và địa phương chưa thật chặt chẽ, thiếu thường xuyên; chưa mạnh dạn trong việc đề xuất, đặt hàng các nhiệm vụ mang tính đột phá, quy mô triển khai rộng. Quy định về định mức hỗ trợ kinh phí phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ còn thấp, nhất là hỗ trợ hoạt động nghiên cứu ĐTDA, mô hình ứng dụng chưa phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay. Việc thực hiện cơ chế khoán được quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BTC- BKHCN chưa có định mức kinh tế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền quy định mặc dù các nhiệm vụ đã được xác định rõ tên sản phẩm cụ thể; chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm, đơn vị đo, mức chất lượng hoặc yêu cầu khoa học cần đạt được; số lượng hoặc quy mô sản phẩm tạo ra; địa chỉ ứng dụng.

3. Trách nhiệm của đơn vị, tổ chức, người đứng đầu

Xác định nhiệm vụ phát triển khoa học, ứng dụng công nghệ là nhiệm vụ trọng tâm gắn với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh đối với hoạt động khoa học và công nghệ; tăng cường phối hợp với các sở, ngành, địa phương trong việc đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ.

4. Phương hướng giải pháp, mục tiêu thực hiện trong thời gian tới đối với những nội dung chưa hoàn thành theo Nghị quyết

Tiếp tục thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch,...theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền; xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách,...liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn cải tiến, đổi mới và phát triển công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh. Đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, tăng cường hoạt động liên kết, phát triển thị trường trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với các viện, trường, doanh nghiệp để hỗ trợ đổi mới sáng tạo, hỗ trợ hình thành và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học; huy động nhân lực, kinh phí từ nhiều nguồn; tăng cường quy mô, công nghệ,...đối với hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ. Thúc đẩy thực hiện cơ chế đặt hàng, thực hiện cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm khoa học và công nghệ cuối cùng theo kết quả, yêu cầu của đầu ra. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát; kịp thời phát hiện, xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh; khen thưởng kịp thời những tổ chức, cá

nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh.

IX. LĨNH VỰC THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG

Phát triển hạ tầng số được cải thiện: (i) Tốc độ truy cập mạng băng rộng di động bình quân trên địa bàn tỉnh Kiên Giang: Download 38 Mbps, Upload 22 Mbps. (ii) 100% các xã phường, thị trấn đã được phủ sóng thông tin di động... (iii) Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng là 54%; Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng Smartphone đạt 67%. (2) Hoàn thành việc triển khai bảo đảm an toàn, an ninh mạng theo mô hình 4 lớp theo hướng dẫn. (3) Đã hoàn thành việc triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh kết nối các sở, ban, ngành và 15 huyện, thành phố và 144 xã, phường, thị trấn. (4) Cổng dịch vụ công tỉnh Kiên Giang được xếp hạng 6/63 tỉnh thành về cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 để phục vụ cho người dân và doanh nghiệp, hiện nay Cổng Dịch vụ công cung cấp 1.281 thủ tục hành chính mức độ 3, mức độ 4. Trong đó có : 977 thủ tục hành chính mức độ 4 và 304 thủ tục hành chính mức độ 3. Kết nối nền tảng LGSP của tỉnh với nền tảng NGSP của Chính phủ với 06 lĩnh vực.

Các cơ quan báo chí của tỉnh, hệ thống thông tin cơ sở, Cổng thông tin điện tử tỉnh, các trang thông tin của các sở ngành và địa phương có nhiều tin bài tập trung thông tin, tuyên truyền các nhiệm vụ trọng tâm và các sự kiện quan trọng của tỉnh, tuyên truyền các hoạt động sự kiện, lễ kỷ niệm quan trọng của tỉnh, của đất nước góp phần định hướng dư luận và tạo sự đồng thuận xã hội, kịp thời đấu tranh phản bác các thông tin xuyên tạc, sai sự thật của các thế lực thù địch.

Thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”, UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo và ban hành kế hoạch để triển khai thực hiện²⁹.

X. TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH VỀ BẢO TỒN, TU BỔ, PHỤC HỒI VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT, DI SẢN THẾ GIỚI

1. Tình hình triển khai thực hiện

1.1 Trong những năm qua, công tác đầu tư tôn tạo, tu bổ các di tích văn hóa, lịch sử đã được tỉnh quan tâm, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể ngày càng được bảo vệ tốt. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 56 di tích được nhà

²⁹ Quyết định số 740/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

nước xếp hạng³⁰. Trong những năm qua, bằng nguồn kinh phí đầu tư từ chương trình mục tiêu quốc gia của Trung ương, ngân sách Tỉnh và sự đóng góp của Nhân dân, nhiều di tích đã được đầu tư tôn tạo, tu bổ; đã trở thành những điểm du lịch hấp dẫn khách tham quan, tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước, đồng thời tạo thêm việc làm cho Nhân dân địa phương.

Năm 2021, tỉnh lập hồ sơ khoa học trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận “Nghề làm nước mắm ở Phú Quốc” là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia theo Quyết định số 1730/QĐ-VHTTDL ngày 27/5/2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Đồng thời tỉnh đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, xây dựng hồ sơ trình UNESCO công nhận nghề làm nước mắm ở Phú Quốc là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Triển khai các bước lập Nhiệm vụ đồ án Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Trại giam Phú Quốc, tỷ lệ 1/2.000³¹. Trại giam Phú Quốc được công nhận là di tích lịch sử quốc gia năm 1993 và di tích lịch sử quốc gia đặc biệt năm 2014. Hiện tại Di tích còn bảo tồn được 06 điểm di tích gốc là: Nghĩa trang tù binh, công tiếu đoàn 7 và 8 quân cảnh, khu 2, khu nhà bộ chỉ huy Trại giam, nhà thờ Kiến Văn và 01 điểm di tích tôn tạo Tượng đài Đồi Sim. Tất cả 06 điểm di tích trên đã được khoanh vùng bảo vệ với diện tích 8,5 ha. Từ năm 1997 đến nay, di tích Trại giam Phú Quốc có 02 lần tu bổ, tôn tạo với tổng mức đầu tư 43,127 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách Trung ương, địa phương và xã hội hóa.

Ban hành Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 16/5/2022 bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2022-2025. Đồng thời lập các Quy hoạch gồm: Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị Khu di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh quốc gia núi Bình San và phụ cận, thành phố Hà Tiên; Quy hoạch tổng thể bảo tồn, phát huy giá trị khu di tích lịch sử và danh thắng cảnh núi Mo So, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang; Quy hoạch tổng thể bảo tồn và tôn tạo di tích quốc gia đặc biệt Trại giam tù binh Phú Quốc; Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị Khu di tích lịch sử, thắng cảnh quốc gia Ba Hòn (Hòn Me - Hòn Đất – Hòn Quéo);...

1.2. Thực hiện các giải pháp về xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, góp phần khắc phục tình trạng xuống cấp về đạo đức xã hội: Tỉnh ủy Kiên Giang đã ban hành Chương trình hành động số 15-CTr/TU ngày 18/10/2021 thực hiện Chỉ thị 06-CT/TW ngày 24/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình

³⁰ trong đó có 01 di tích cấp quốc gia đặc biệt, 22 di tích cấp quốc gia và 33 di tích cấp tinh.

³¹ Đề trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định với tổng diện tích dự kiến là 335,01 ha. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã gửi văn bản lấy ý kiến Bộ ngành và Hội đồng thẩm định về nhiệm vụ quy hoạch di tích theo qui định. Hiện nay đang chờ triển khai các bước quy hoạch tiếp theo.

mới. Triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh, “Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình” trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt công tác triển khai, tuyên truyền, “Xây dựng nhân cách con người Việt Nam từ giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình”, các mô hình phòng chống bạo lực gia đình được quan tâm nhân rộng và từng bước hoạt động có hiệu quả. Những giá trị văn hóa mang tính truyền thống của từng địa phương và thuần phong mỹ tục được giữ gìn và phát huy. Nhiều nét mới trong giá trị văn hóa và chuẩn mực đạo đức từng bước được hình thành. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ngày càng đi vào chiều sâu; việc gắn kết giữa giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các phong trào thi đua yêu nước đã đem lại hiệu quả thiết thực. Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội... Phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng được đẩy mạnh; đã khơi dậy và phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong việc huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa thể thao ở cơ sở.

Phát huy tốt giá trị truyền thống văn hóa gia đình, dòng họ, cộng đồng. Kết hợp chặt chẽ vai trò của gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục đạo đức. Nêu cao vai trò gương mẫu của các bậc cha mẹ với con cái. Tỉnh có nhiều gia đình 3 thế hệ chung sống hòa thuận và có nhiều gia đình hiếu học.

1.3. Các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đang được thụ hưởng chính sách chung của Đảng, nhà nước. Trong đó có việc hỗ trợ xây dựng, khai thác sử dụng có hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa thể thao cơ sở, từ đó góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân.

1.4. Bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống, di sản văn hóa vật thể, phi vật thể có giá trị được quan tâm. Triển khai thực hiện các đề án phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030; Đề án mở rộng quy mô tổ chức Lễ hội Nghinh Ông tại xã Lại Sơn huyện Kiên Hải, Đề án bảo tồn, phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2020 -2025, mở rộng quy mô tổ chức Lễ hội kỷ niệm ngày hy sinh của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Phan Thị Ràng tại huyện Hòn Đất, Đề án “bảo tồn và phát huy giá trị Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam bộ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2021 - 2025”, sưu tầm tư liệu, biên soạn và phát hành sách giới thiệu về các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh; Đề án mở rộng quy mô tổ chức Lễ hội Tao đàm Chiêu Anh Các - Hà Tiên, nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa ở cơ sở giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030, Dự án số 6 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-

2025;...Các lễ hội trên địa bàn tỉnh đều được tổ chức an toàn, lành mạnh, tiết kiệm, đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt văn hóa tâm linh tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân. Bảo tồn một số loại hình nghề thủ công truyền thống mang đậm nét đặc thù của Kiên Giang như: nghề dệt chiếu Tà Niên (Châu Thành), nghề nặn nồi đất (Hòn Đất)... Hiện trên địa bàn Kiên Giang có trên 150 Câu lạc bộ đờn ca tài tử và nhiều tổ, nhóm nhỏ thường xuyên tổ chức sinh hoạt đờn ca tài tử. Tỉnh đã lập đề án bảo tồn Nghệ thuật đờn ca tài tử, nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa văn nghệ trên địa bàn đến năm 2030, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa như tiếng nói, chữ viết, trang phục, lễ hội truyền thống và quan tâm, tạo điều kiện cho các hoạt động biểu diễn, giao lưu văn hóa, văn nghệ của đồng bào dân tộc Hoa, Khmer. Duy trì hoạt động của Đoàn Nghệ thuật Khmer Kiên Giang.

1.5. Chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, hành nghề mê tín dị đoan thu lợi bất chính: Tăng cường công tác tuyên truyền quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo tới cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị. Thực hiện tốt chính sách tôn giáo, đảm bảo các tôn giáo hoạt động trên cơ sở quy định của pháp luật. Vận động các chức sắc, chức việc, bà con giáo dân và phật tử tham gia xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, sống tốt đời đẹp đạo, sống phúc âm giữa lòng dân tộc, chăm lo phát triển kinh tế-xã hội giúp đỡ đồng bào có đạo phát triển kinh tế gia đình, nâng cao đời sống, tham gia xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe. Qua đó, các tôn giáo luôn phấn khởi, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

2. Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân

Nguồn lực đầu tư cho thiết chế văn hóa còn ít và dàn trải. Công tác đào tạo nguồn nhân lực văn hóa nghệ thuật vùng đồng bào dân tộc chủ yếu là xã hội hóa, chưa bố trí được ngân sách và nguồn lực cần thiết cho công tác này. Nhiều đội văn nghệ quần chúng thành lập, sau đó tự giải tán do thiếu phương tiện âm thanh, nhạc cụ và kinh phí để duy trì. Nhiều thể loại văn nghệ dân gian của đồng bào Khmer, Hoa bị mất dần và không có nghệ nhân truyền dạy và người kế thừa.

Số người dân tộc thiểu số biết và có khả năng lưu giữ, truyền dạy các loại hình văn nghệ truyền thống ngày càng ít đi. Kinh phí dành cho việc đào tạo, truyền dạy chữ viết, tiếng nói, các loại hình văn nghệ truyền thống của đồng bào dân tộc... còn hạn chế.

Nguyên nhân: Kinh phí, nguồn lực đầu tư cho việc xây dựng đời sống văn hóa tinh thần vùng đồng bào dân tộc chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn.

Chính sách, chủ trương về công tác văn hóa dân tộc thì có nhiều nhưng nguồn lực thực hiện chủ yếu phân bổ ở cấp Trung ương, không hỗ trợ về tinh thần khó triển khai.

3. Phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới

Ban hành các đề án gồm: “Đề án nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa ở cơ sở giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030”; “Đề án mở rộng quy mô tổ chức Lễ hội Tao đàn Chiêu Anh Các - Hà Tiên”; Điều chỉnh quy hoạch quảng cáo tại thành phố Phú Quốc; Công văn hướng dẫn kèm theo Đề án “Mẫu” và Quy chế “Mẫu” về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn.

Triển khai kế hoạch kiểm tra chuyên ngành, kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật trong hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa; hoạt động quảng cáo; kinh doanh hoạt động thể thao.

Đăng cai tổ chức Hội thi sân khấu cải lương toàn quốc năm 2023 và Liên hoan cán bộ thư viện tuyên truyền giới thiệu sách về chủ quyền biển, đảo Việt Nam năm 2023. Tiếp tục triển khai thực hiện Dự án xây dựng Tượng đài Bác Hồ và phù điêu; đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà trưng bày, nhà đón tiếp, khu Quảng trường tại phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; Dự án cải tạo, sửa chữa Trung tâm Văn hóa tỉnh giai đoạn 2016 - 2020; công trình: Trung tâm Triển lãm Văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản văn hóa tỉnh.

Tổ chức tốt Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch đồng bào dân tộc Khmer tại huyện Gò Quao; tiếp tục sưu tầm và thu nhận hiện vật tại U Minh Thượng; phối hợp với Viện Khảo cổ học trong công tác triển khai xây dựng nhà mái che tại di tích Nền Chùa.

Ban hành Quy định tiêu chuẩn, thang điểm, quy trình xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa, khu phố văn hóa” trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch về việc thực hiện Chương trình hành động số 15-CTr/TU ngày 18/10/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 24/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới; Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030; Kế hoạch triển khai thực hiện “Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Tổ chức Lễ khai mạc và Lễ Bế mạc và các Giải trong khuôn khổ Đại hội Thể dục thể thao tỉnh Kiên Giang lần thứ IX năm 2022.

Phê duyệt 03 Đề án phát triển du lịch: (1) Đề án phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030; (2) Đề án phát triển các sản phẩm ngành nghề truyền thống gắn với du lịch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và (3) Đề án phát triển du lịch nông thôn gắn với Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

XI. LĨNH VỰC Y TẾ

1. Tình hình triển khai thực hiện

Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, góp phần thực hiện mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội.

Từ khi bắt đầu đợt dịch thứ 4, lũy kế từ đầu vụ dịch đến nay tỉnh có 39.926 trường hợp mắc COVID-19 (trong đó có 27 trường hợp là biến thể BA.2), có 697 trường hợp tử vong, chiếm 2,17%. Các tháng đầu năm 2022 dịch cơ bản đã được kiểm soát, số ca mắc mới trong ngày có xu hướng giảm, tuy nhiên, từ giữa tháng 7 đến nay, nhiều địa phương đã ghi nhận sự xuất hiện trở lại của các ca mắc mới ở Phú Quốc, Kiên Hải, An Biên, Hòn Đất, Giồng Riềng, Châu Thành,..., đây là các ca có yếu tố dịch tễ phức tạp như: đi du lịch từ Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh về (vùng đã ghi nhận lưu hành biến chủng BA4 và BA.5 của Omicron). Tình hình tiêm vắc xin phòng COVID-19: Người từ 18 tuổi trở lên đạt 104,85%; Trẻ từ 12-17 tuổi (mũi 1 đạt 102,66%; mũi 2 đạt 98,08%); Trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi (mũi 1 đạt 88%; mũi 2 đạt 62%).

Đến nay, tỷ lệ xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế của tỉnh 98,61% (142/144 xã); (2) Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải y tế đạt 98%. (3) Số lượng Bác sĩ/vạn dân (kể cả tư nhân) là 9,79 (tăng 0,86 so với thời điểm trước khi ban hành Nghị quyết); (4) Tỷ lệ giường bệnh/vạn dân là 31,68 (tăng 1,63% so với thời điểm trước khi ban hành Nghị quyết).

Hệ thống khám chữa bệnh công lập gồm 06 bệnh viện tuyến tỉnh: Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Y Dược Cổ truyền, Lao Phổi, Bệnh viện Tâm thần, bệnh viện Sản-Nhi và bệnh viện Ung Bướu, 15 Trung tâm y tế huyện/thành phố và 144 Trạm Y tế tuyến xã. Hệ thống y tế tư nhân gồm 03 bệnh viện tư nhân³² và 951 cơ sở khám chữa bệnh ngoài công lập khác.

Hàng năm thực hiện khám và điều trị bệnh tại các cơ sở y tế từ 4 - 4,5 triệu lượt (trong đó KCB BHYT chiếm 87,2%); Điều trị nội trú từ 220- 260 ngàn bệnh nhân, tỷ lệ khỏi bệnh là 87,3% và tử vong 1,1%; Công suất sử dụng giường bệnh chung từ 56% đến 83%; Tỷ lệ bệnh nhân khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền hoặc kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại từ 10 -13%. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế là 80,15% dân số.

Ưu tiên bố trí ngân sách cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, bảo đảm chi tiêu Quốc hội đề ra. Căn cứ Nghị quyết số 507/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về phân bổ chi ngân sách địa phương năm 2021 theo đó ưu tiên bố trí ngân sách cho y tế dự phòng, y tế cơ sở là: 1.050,47 tỷ đồng, trong đó cấp tỉnh: 582,67 tỷ đồng; cấp huyện, xã: 467,79 tỷ đồng.

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về phân bổ chi ngân sách địa phương năm 2022 theo đó ưu

³² BV Bình An, BV Vinmec PQ và BV Mắt Nguyễn Hùng.

tiên bố trí ngân sách cho y tế dự phòng, y tế cơ sở là: 1.132,88 tỷ đồng, trong đó: cấp tỉnh: 686,27 tỷ đồng; cấp huyện, xã: 446,61 tỷ đồng.

Trong đó; Ưu tiên bố trí vốn đầu tư công cho lĩnh vực y tế, năm 2021 bố trí 271,37 tỷ đồng, với 8 công trình³³ (bao gồm công trình chuyển tiếp). Năm 2022 bố trí 396,54 tỷ đồng, với 5 công trình (Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang - quy mô 1020 giường là 273,44 tỷ đồng, Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng 5,59 tỷ đồng, Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường là 89,51 tỷ đồng, Bệnh viện sản nhi 10 tỷ đồng, cải tạo, sửa chữa, mua sắm thiết bị Trung tâm y tế thành phố Phú Quốc 18 tỷ đồng).

2. Khó khăn, vướng mắc

Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020³⁴ đã hết hiệu lực nhưng chưa có Thông tư mới thay thế vì thế ảnh hưởng lớn đến các hoạt động trong công tác phòng, chống bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến (không có định mức chi để thực hiện).

Cơ sở vật chất và trang thiết bị của một số nơi tuy được đầu tư, nâng cấp sửa chữa nhưng chưa đạt yêu cầu trong chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Nhân lực y tế tại các cơ sở y tế công lập giảm, trong đó nghỉ việc do áp lực cao, các chế độ và phụ cấp không đáp ứng đủ nhu cầu cuộc sống. Ngoài ra một số đơn vị thành lập mới, tăng quy mô giường bệnh nhưng còn thiếu nhân lực làm việc. Tuy chính sách đãi ngộ, thu hút giữ chân cán bộ của tỉnh có ban hành, nhưng chưa thật sự đủ để thu hút người có trình độ cao về làm việc tại tỉnh, mặc khác việc thực hiện chính sách thu hút đối với các đối tượng bác sĩ chính quy, bác sĩ được đào tạo theo địa chỉ sử dụng các chuyên ngành hiếm được thực hiện từ 20/7/2017 đến năm 2020, nhưng từ năm 2021 đến thời điểm hiện tại không còn tiếp tục thực hiện chính sách thu hút đối với đối tượng bác sĩ chính quy, bác sĩ được đào tạo theo địa chỉ sử dụng các chuyên ngành hiếm được do đã hết thời gian quy định.

3. Giải pháp trong thời gian tới

³³ Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang - quy mô 1020 giường, 96,1 ty đồng, Trung tâm Y tế huyện Giang Thành 500 triệu đồng, Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng 230 triệu đồng, Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường 15 tỷ đồng, Đầu tư phòng mổ kỹ thuật cao (HYBRID) cho bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang 90 tỷ đồng, Bệnh viện Sản Nhi 50 tỷ đồng, Bệnh viện Tâm thần 12 tỷ đồng, Bệnh viện Ung bướu 2,53 tỷ đồng.

³⁴ Chương trình: (1) Phòng, chống sốt xuất huyết; (2) Phòng chống bệnh Sốt rét; (3) phòng, chống bệnh phong; (4) hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường, cao huyết áp và phòng chống các rối loạn do thiếu Iode; (5) hoạt động y tế trường học; (6) Tiêm chủng mờ rộng; (7) hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản; hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em; (8) phòng, chống HIV/AIDS; (9) hoạt động theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế.

Tiếp tục thực hiện các hoạt động trong công tác phòng, chống bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số. Kịp thời xây dựng phương án về tổ chức đấu thầu mua sắm vật tư y tế cho các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang trong thời gian tiếp theo và ban hành hướng dẫn về thẩm quyền, trình tự, thủ tục trong thực hiện quy trình mua sắm các thuốc, VTYT, hóa chất... theo quy định. Tăng cường chỉ đạo UBND các huyện, thành phố thực hiện tốt việc phân cấp mua sắm theo Thông tư 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập và Thông tư 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập, Nghị quyết số 172/2018/NQ-HĐND và Công văn số 1164/UBND-KT ngày 25/8/2020 của UBND tỉnh.

Thu hút đối với bác sĩ về công tác tại các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn, nguồn nhân lực ngành y tế phù hợp với chính sách thu hút nguồn nhân lực theo đề án phát triển nguồn nhân lực của tỉnh đến năm 2030.

XII. GIÁO DỤC ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, LAO ĐỘNG

1. Công tác giáo dục nghề nghiệp

Từ tháng 11 năm 2020 đến nay, tỉnh triển khai đồng bộ các chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp. Đã ban hành nhiều văn bản triển khai thực hiện như Quyết định số 561/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 của UBND tỉnh về việc phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh, đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp niên khóa 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; phân bổ chỉ tiêu đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh³⁵. Ban hành Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 04/5/2021 thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn; lao động có tay nghề làm việc tại các khu, cụm công nghiệp và khu du lịch; lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2021 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh về việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn; lao động làm việc tại các khu, cụm công nghiệp và khu du lịch; lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh. Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 về việc bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương cho công tác đào tạo nghề lao động nông thôn; lao động đang làm việc tại các khu, cụm công nghiệp và khu du lịch; lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 3 tháng 6 năm 2021 về việc phê duyệt danh mục nghề và Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 3 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt định mức chi phí đào tạo nghề cho lao động nông

³⁵ Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 22/01/2022 của UBND tỉnh

thôn; lao động làm việc tại khu, cụm công nghiệp và khu du lịch; lao động làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND về việc phê duyệt danh mục nghề và Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND Về việc phê duyệt định mức chi phí đào tạo từng nghề cho lao động nông thôn, lao động làm việc trong khu, cụm công nghiệp và khu du lịch; lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2022.

Ban hành Kế hoạch 140/KH-UBND ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Quyết định số 1260/QĐ-TTg ngày 19/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2022 - 2027” trên địa bàn tỉnh. Thực hiện Chương trình “tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021 - 2030” trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang³⁶. Ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang³⁷.

Đẩy mạnh xã hội hóa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: tinh thành lập 02 cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục thuộc doanh nghiệp³⁸ Nâng tổng số cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục trên địa bàn tỉnh Kiên Giang là 06 cơ sở (chiếm 19,36%).

Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của hệ thống giáo dục nghề nghiệp, tinh ban hành Kế hoạch số 111/UBND-KGVX ngày 27/4/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình Chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030; qua đó từng bước thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp. Kết quả thực hiện công tác giáo dục nghề nghiệp từ tháng 11 năm 2020 đến tháng 08 năm 2022: tuyển sinh, đào tạo được 37.181 người³⁹.

2. Công tác giải quyết việc làm

Ban hành Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 23/02/2021 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu giải quyết việc làm năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030; sửa đổi kế hoạch 141 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Ban hành Kế hoạch số

³⁶ Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 13/6/2022 của UBND tỉnh

³⁷ Quyết định số 1686/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của UBND tỉnh

³⁸ Trung tâm giáo dục nghề nghiệp đào tạo và sát hạch lái xe Trường Phát (thuộc Công ty TNHH Trường Phát); Trường Trung cấp Nghề vụ du lịch, Khách sạn EHL - Phú Quốc (thuộc Công ty TNHH du lịch khách sạn địa ốc thành phố đảo Phú Quốc).

³⁹ trong đó: Cao đẳng là 1.956 người, Trung cấp là 5.531 người, Sơ cấp là 12.764 học viên và dạy nghề thường xuyên dưới 03 tháng là 16.930 người.

171/KH-UBND ngày 13/9/2021 về việc làm tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025. Thực hiện giải quyết việc làm cho người lao động làm việc trong tỉnh bị mất việc làm và người lao động ngoài tỉnh trở về địa phương.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, đã ban hành Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 về việc giao chỉ tiêu giải quyết việc làm năm 2022 trên địa bàn tỉnh, Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 02/3/2022 Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025, tăng cường triển khai hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động, phát triển thị trường lao động, đảm bảo an sinh xã hội. Từ tháng 11 năm 2020 đến tháng 08 năm 2022 đã giải quyết việc làm cho 61.486 lượt lao động⁴⁰, đạt 78,93% so với kế hoạch. Ngoài số lao động trở lại thị trường lao động do ngừng việc để phòng chống dịch, thì số lao động mới được giải quyết chủ yếu tại các khu, cụm công nghiệp⁴¹ bên cạnh đó hỗ trợ người lao động đi làm việc ngoài tỉnh như Bình Dương, Đồng Nai, TP.HCM...

Tổ chức 15 phiên giao dịch việc làm tại các địa phương, mời gọi các doanh nghiệp (trong và ngoài tỉnh), cơ sở đào tạo có nhu cầu tuyển dụng lao động, hỗ trợ đào tạo lao động tham gia tư vấn, tuyển dụng tuyển sinh lao động theo yêu cầu. Tạo điều kiện để người lao động kết nối các doanh nghiệp, công cụ hỗ trợ tìm kiếm việc làm bằng nhiều hình thức trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội trang website, zalo, facebook... Qua đó, tư vấn cho 4.360 lượt lao động tham gia.

Ra mắt cổng thông tin điện tử về lao động, việc làm và giáo dục nghề nghiệp (<https://laodongvieclam.kiengiang.gov.vn>), nhằm hỗ trợ cho người lao động và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đăng ký tìm việc, tuyển dụng lao động và đào tạo nghề cho người lao động, Cổng thông tin điện tử về tiếp nhận trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp⁴². Triển khai nâng cấp để thực hiện hiệu quả công tác kết nối và thông tin thị trường lao động kịp thời, nhanh chóng và chính xác đến doanh nghiệp, người lao động trong và ngoài tỉnh.

3. Khó khăn, vướng mắc

Cơ cấu lao động của tỉnh chuyển dịch chậm, lực lượng lao động thuộc khu vực nông thôn còn chiếm tỷ trọng lớn trên 50%; chưa đáp ứng với yêu cầu, mục tiêu và nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Số lao động qua đào tạo và đào tạo nghề vẫn còn thấp, chất lượng nguồn lao động

⁴⁰ trong đó: trong tỉnh là 35.232 lượt lao động, ngoài tỉnh là 25.788 lượt lao động, lao động đi làm việc nước ngoài theo hợp đồng là: 466 lao động.

⁴¹ Khu công nghiệp Thạnh Lộc, Cụm công nghiệp Vĩnh Hòa Hưng Nam huyện Gò Quao; các huyện Châu Thành, Kiên Lương, thành phố Phú Quốc...;

⁴²<https://hotrodoanhnghiep.kiengiang.gov.vn>.

của tỉnh còn hạn chế về chuyên môn, tay nghề, ngoại ngữ, tác phong công nghiệp, ý thức kỷ luật lao động... do đó chưa đáp ứng yêu cầu cơ bản của nhà tuyển dụng nhất là những doanh nghiệp có thu nhập cao và lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Lực lượng lao động phân bố không đồng đều, phần lớn ở nông thôn (chiếm 71,4 % lực lượng lao động của tỉnh); có trên 70% việc làm không ổn định (tự làm, làm việc trong gia đình không hưởng lương, mùa vụ,...chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp). Đôi tượng lao động này dễ bị tổn thương, dễ rơi vào nghèo đói vì không ổn định, thường xuyên mất việc làm và thiếu việc làm.

Lao động được giải quyết việc làm sau đào tạo, đào tạo nghề chưa bền vững, chưa ổn định lâu dài, số người thất nghiệp còn cao, bình quân mỗi năm có hơn 7 ngàn người đăng ký hưởng trợ cấp thất nghiệp, sinh viên ra trường chưa có việc làm. Cho vay giải quyết việc làm thông qua Ngân hàng chính sách xã hội còn thấp, vốn mới bồi sung rất ít, chất lượng lập dự án vay quỹ quốc gia việc làm còn hạn chế, thu hồi vốn chậm.

4. Giải pháp trong thời gian tới

Tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ, tạo điều kiện tốt nhất để doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn hoạt động hiệu quả, phát triển; tăng cường thu hút, kêu gọi đầu tư, thúc đẩy giải ngân đầu tư công đảm bảo theo tiến độ để tạo mở, giải quyết việc làm cho người lao động.

Phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, lành mạnh và ổn định nhằm quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực.

Tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập thông tin thị trường lao động, quản lý chặt chẽ thông tin về nhu cầu tìm việc làm và học nghề của người lao động; nhu cầu tuyển dụng, đào tạo nghề của doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để làm cơ sở chỉ đạo hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, học nghề cho người lao động; liên kết, cung ứng lao động cho đơn vị sử dụng lao động trong và ngoài tỉnh.

Phát huy hiệu quả Quỹ quốc gia về việc làm thông qua các hoạt động cho vay giải quyết việc làm, giảm nghèo và cho vay đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ở các địa phương để người lao động tự tạo việc làm, duy trì việc làm và tạo việc làm mới cho người lao động.

Chỉ đạo các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp tăng cường đào tạo, đào tạo lại cho người lao động của doanh nghiệp; đào tạo nghề cho lao động nông thôn để nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuẩn bị tiếp cận việc làm có tay nghề, việc làm mới.

Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động, doanh nghiệp, đảm bảo an sinh xã hội, thu hút người lao động quay trở lại làm việc và tiếp tục

hỗ trợ người sử dụng lao động phục hồi, phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm cho người lao động.

Khuyến khích doanh nghiệp quan tâm hơn đối với người lao động như tăng lương, tăng thu nhập, đảm bảo các chế độ phúc lợi, thực hiện đầy đủ các chế độ quy định của pháp luật đối với người lao động. Khuyến khích doanh nghiệp tạo điều kiện về nhà ở công nhân hoặc có chính sách hỗ trợ cho người lao động về nhà ở để đỡ gánh nặng về chi phí và an tâm làm việc.

Rà soát, sớm thực hiện đầu tư xây dựng các khu nhà ở công nhân tại khu công nghiệp và khu tập trung nhiều công nhân lao động để người lao động đến lưu trú, sinh sống và làm việc.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về lao động, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, góp phần ổn định lực lượng lao động tại doanh nghiệp.

XIII. LĨNH VỰC AN NINH TRẬT TỰ

1.Tình hình thực hiện Nghị quyết số 96/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, công tác của Viện kiểm sát-nhân dân, của Tòa án nhân dân và thi hành án

Tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch số 244/KH-BCA ngày 11/6/2020 của Bộ Công an về việc thực hiện Quyết định số 634/QĐ-TTg ngày 13/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình thực hiện Nghị quyết số 96/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội Khóa XIV về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, công tác của Viện Kiểm sát nhân dân, của Tòa án nhân dân và công tác thi hành án.

Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực xây dựng, công nghiệp và thương mại; bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng; đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy tại địa bàn biên giới, cửa khẩu và trên biển, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; ban hành Kế hoạch số 57-KH/TU ngày 17-3-2022 thực hiện Kết luận số 13-KL/TW ngày 16-8-2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; thực hiện Kết luận số 15-KL/TW ngày 30-9-2021 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22-6-2015 của Bộ Chính trị (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng



đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới⁴³. Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; kiện toàn Văn phòng liên lạc qua biên giới giữa tỉnh Kiên Giang, Việt Nam với tỉnh Kampot, Vương quốc Campuchia, triển khai thực hiện Chương trình của Chính phủ và Kế hoạch về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới và Chiến lược quốc gia phòng chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025, định hướng đến năm 2030, giải quyết tình hình liên quan đến đất đai, bảo vệ rừng, tài nguyên khoáng sản, trật tự xây dựng và ổn định an ninh, trật tự trên địa bàn Phú Quốc.

2. Kết quả thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố

Ban hành quyết định thành lập đoàn kiểm tra công tác tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố và kế hoạch kiểm tra, phúc tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động điều tra của lực lượng điều tra hình sự, nhằm phát hiện, chấn chỉnh kịp thời những sai sót; từng bước đưa công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm đi vào nề nếp, đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Xử lý, giải quyết và thông kê tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố theo quy định của pháp luật, nhất là đối với các vụ việc nghiêm trọng, phức tạp, góp phần phòng ngừa, ngăn chặn không bỏ lọt tội phạm, đảm bảo mọi hành vi vi phạm pháp luật đều được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm theo quy định pháp luật; bảo đảm 100% các tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đều được thụ lý giải quyết. Đã tiếp nhận, giải quyết 2.125/2.832, đang xác minh, 316 tin trong hạn; trong đó đã tập trung giải quyết dứt điểm số tin báo, tố giác về tội phạm.

3. Về tiếp tục thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025, định hướng đến năm 2030; thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, nhất là tội phạm về ma túy, tội phạm liên quan đến hoạt động “tín dụng đen”, mua bán người, xâm hại trẻ em, làm giả con dấu, tài liệu, giấy tờ của cơ quan, tổ chức

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 14/6/2021 của Tỉnh ủy về tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm, giải quyết tệ nạn xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn năm 2021-2025. Ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030, Kế hoạch thực hiện Chương trình phòng, chống ma túy

⁴³ Kế hoạch số 58-KH/TU ngày 17-3-2022

giai đoạn 2021 – 2025, Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em, tăng cường phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động tín dụng đen.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện phòng, chống các loại tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên Quốc gia giai đoạn 2021-2025; phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em và phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật liên quan đến người dưới 18 tuổi giai đoạn 2021 – 2025. Mở 04 cao điểm tấn công trấn áp tội phạm bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh. Điều tra khám phá 872/932 vụ phạm tội về trật tự xã hội (đạt 93,56%), bắt xử lý 1.433 đối tượng; án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng⁴⁴... Khởi tố, điều tra 34 vụ 32 đối tượng phạm tội về kinh tế và chức vụ; ngăn chặn, xử lý 240 vụ tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm, 01 vụ 01 đối tượng làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả; 01 vụ tham ô tài sản. Bắt giữ 06 vụ 28 đối phạm pháp liên quan đến tín dụng đen⁴⁵ tiến hành khởi tố điều tra 08 vụ, 09 đối tượng phạm tội về môi trường; xử lý 531 vụ phạm pháp luật về môi trường, khai thác tài nguyên, an toàn thực phẩm.

Tăng cường biện pháp đấu tranh phòng, chống ma túy trên các tuyến địa bàn trọng điểm; khu vực biên giới, cửa khẩu, nhằm ngăn chặn, đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy nhập vào địa bàn tỉnh⁴⁶. Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/01/2019 Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, vận động người dân thực hiện tố giác, tố cáo tham nhũng; bảo vệ an toàn cho người tố cáo.

Tăng cường công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông tại 03 địa phương". Triển khai thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP của Chính phủ về tăng cường đảm bảo trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2022 - 2025; Kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Triển khai thực hiện phân cấp đăng ký thủ tục cấp biển số xe cho Công an cấp huyện, cấp xã (từ ngày 21/5/2022).

⁴⁴ Khám phá 80/83 (đạt 96,38%), xóa 14 băng nhóm, bắt xử lý 188 đối tượng; xóa nhiều điểm bạc; điều tra khám phá nhanh án rất nghiêm trọng, biệt nghiêm trọng.

⁴⁵ Đã khởi tố 03 vụ 05 đối tượng cho lãi nặng trong dịch dân sự; xử phạt hành chính 02 vụ 18 đối tượng, với 38,1 triệu đồng.

⁴⁶ Phát hiện, bắt giữ 398 vụ 477 đối phạm tội về ma túy, thu giữ 4,3 kg cây cần sa tươi, 3.103,0449 gam ma túy các loại, 1.005 viên ma túy tổng hợp; lập hồ sơ đưa cai nghiện bắc buộc 310 người, vận động cai nghiện nguyện 226 người; giáo dục tại xã, phường, thị 89 đối tượng.

Thời gian qua, tỉnh có nhiều nỗ lực, cố gắng trong triển khai thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội. Chủ động giải quyết kịp thời, ổn định các vụ việc phức tạp, không để xảy ra bị động bất ngờ; đảm bảo an ninh, an toàn các mục tiêu trọng điểm; triệt xóa nhiều băng nhóm tội phạm, các vụ trọng án.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 134/2020/QH14 của tỉnh Quốc hội./. nhue

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Các Sở, ban ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, CVNC;
- Phòng HCTC;
- Lưu: VT, phmanh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lâm Minh Thành

